

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01-04-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn,

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thụy Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Sáu**

2. Bà **Kim Thị Sà Mết**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tào Diệu Như**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lào - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mã Phước V, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn yêu cầu vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Mã Phước V1 trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 02 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Ông V và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau năm 2000, đến năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 31/8/2020.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng ý kiến, do ông V đi làm thương xuyên vắng nhà, nên mỗi khi về vợ chồng lại hay gây cãi. Ông V và bà T đã ly thân hơn 04 năm nay. Hiện ông V đang làm thuê (giữ ruộng thuê cho người ta) ở xã H, huyện V. Ông V1 và bà T đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Nay ông V yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông V và bà T sống với nhau có 02 người con chung là cháu Mã Phước H, sinh ngày 31/8/2001 và cháu Mã Thị Tường V2, sinh ngày 18/7/2020. Hiện cháu H đã trưởng thành nên ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu V2 đang sống cùng bà T tại căn nhà ấp N, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Khi ly hôn, ông V1 tự nguyện giao cháu V2 cho bà T tiếp tục nuôi dạy.

Về tài sản chung: Có căn nhà xây tường, vách thiết, lợp tol, nền xi măng, xây trên đất của cha ông V chưa chuyển quyền. Ngoài ra không còn tài sản gì khác, P tài sản chung ông V1 và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 3 năm 2025: Bà T thống nhất lời trình bày của ông V1 về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, kể cả vấn đề mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T và ông V đã ly thân khoảng 6 đến 7 năm nay. Nay bà T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông V. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V2, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Mã Phước V đối với bà Nguyễn Thị T. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Mã Thị Tường V2, sinh ngày 18/7/2020 cho bà T nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông V, bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 05 tháng 02 năm 2025, ông V nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với bà Nguyễn Thị T đăng ký thường trú tại ấp N, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, ông V và bà T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông V và bà T theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Ông V và bà T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2000 và đến năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 31/8/2020, nên hôn nhân giữa ông V và bà T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Theo ông V xác định quá trình chung sống, ông V và bà T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn này đã trầm trọng và không có biện pháp gì hàn gắn. Ông V và bà T đã ly thân hơn 04 năm nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V yêu cầu ly hôn với bà T.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cũng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa ông V và bà T không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, ông V và bà T đã ly thân hơn 04 năm nay. Ông V không còn tình cảm với bà T; bản thân bà T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu ông V nhưng do bà T không đến Tòa án từ đó Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử. Từ đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông V và bà T. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V đối với bà T.

[5]. Về con chung: Ông V và bà T chung sống với nhau có 02 người con chung, cháu Mã Phước H, sinh ngày 31/8/2001 và cháu Mã Thị Tường V2, sinh ngày 18/7/2020. Hiện cháu H đã trưởng thành và phát triển bình thường và ông V4 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Riêng cháu V2 đang sống cùng bà T tại căn nhà ấp N, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Khi ly hôn, ông V tự nguyện giao cháu V2 cho bà T tiếp tục nuôi dạy. Phía bà T yêu cầu nuôi cháu V2. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo các điều kiện cho con chưa thành niên. Trên cơ sở yêu cầu của bà T, được sự đồng ý của ông V và để đảm bảo sự ổn định ăn ở, học hành, sinh hoạt của cháu V2, cần tiếp tục giao cháu V2 cho bà T tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Ông V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về tài sản chung: Ông V và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8]. Về nợ chung: Ông V và bà T xác định, quá trình chung sống không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Do ông V và bà T thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa nên ông V và bà T mỗi người phải chịu số tiền án phí 75.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi; ông V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004608 ngày 18 tháng 02 năm 2025, trừ số tiền án phí, ông V được hoàn lại số tiền 225.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[10]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các

Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông Mã Phước V và bà Nguyễn Thị T. Xử cho ông Mã Phước V ly hôn đối với bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Mã Thị Tường V2, sinh ngày 18/7/2020 cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu V2 đang sống cùng bà T.

Ông V không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông V và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Ông V và bà T xác định, quá trình chung sống không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Ông V và bà T mỗi người phải chịu số tiền án phí 75.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi; ông V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004608 ngày 18 tháng 02 năm 2025, đối trừ số tiền án phí, ông V được hoàn lại số tiền 225.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự,
- Ủy ban nhân dân xã Châu Thới huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.